

MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

(Nhớ và Ghi chép)

*"Cuốn sách này để tri ân bố mẹ, cảm ơn vợ con và
những người thân yêu của tôi!"*

MỘT CHẶNG ĐƯỜNG (Nhớ và Ghi chép)

Bản quyền tiếng Việt © Nguyễn Văn Hành, 2025

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của tác giả. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

NGUYỄN VĂN HÀNH

MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

(Nhớ và Ghi chép)

Hà Nội - 2025

vh NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	7
ĐÔI ĐIỀU CÙNG BẠN ĐỌC	10
PHẦN THỨ NHẤT: NHỚ LẠI	12
1. ĐẤT LỄ, QUÊ THÔI	12
Xóm nhỏ ven sông	12
Việc nhà nông	13
Nghề phụ lúc nông nhàn	23
Những buổi tối mùa hè	32
Năm học cấp ba đầu tiên và chiến tranh lan đến...	35
Vỡ đê năm 1969	39
Năm học cuối cùng	41
2. NHỮNG NĂM QUÂN NGŨ	43
Nhập ngũ	43
Huấn luyện ở Nho Quan	46
Đi B lần 1 năm 1972	49
Vĩnh Linh và vượt sông Bến Hải	51
Ở Quảng Trị năm 1973	54
Ra Bắc lần 1 và đóng quân ở Thanh Hóa (10.1973-3.1975)	72
Đi B lần hai năm 1975	79
Đường đến Sài Gòn năm 1975	84

Ra Bắc lần hai năm 1975	95
Về phép đầu tiên năm 1975	98
Năm cuối cùng ở quân ngũ và con đường về giảng đường đại học	102
3. THỜI SINH VIÊN	107
Lớp Vật lý K21 trường Đại học Tổng hợp Hà Nội	107
Lớp Thư viện học K21 tại khoa Lịch sử	111
Đi trọ học	115
4. ĐI MỘT ĐÀNG, HỌC MỘT SÀNG KHÔN	119
Những ngày học ở Liên Xô	119
Lần đầu đến Thái Lan	130
Một tuần ở Mỹ	134
Một thoáng Bắc Kinh	138
Đến Oslo Na Uy	141
PHẦN THỨ HAI: GHI CHÉP	147
Tản mạn về mạng xã hội và Kiến thức thông tin	147
Ba-lô "con cóc"	152
Ông anh họ Liệt sĩ	153
Bác Thủ thư mẫn cán	155
Chuyện trò với chú thợ xây	157
Lượm lặt cuối năm	159
Chuyện ghi ở ngõ nhỏ, phố nhỏ	161
Ông bạn "hàng phố"	164
Ngôi nhà có nhiều kỷ niệm	166
Từ nhà giấy dầu đến phố nhỏ...	170
Hội Cầu lông	173
Người làm sạch môi trường	174

Chuyện lan man ghi ở bệnh viện	176
Một vùng quê Kinh Bắc	179
Miền quê không yên tĩnh	183
Du lịch cùng đồng môn đại học	186
Cháu ngoại	191
Ghi chép những ngày chống dịch COVID-19	194
Dọn "rác trời"	208
Trở lại Tây Nguyên	210
Một lần lên trường cũ	220
Du lịch quê nhà	224
Lên nhà chị gái ở Yên Bái	229
"Đường lên Tây Bắc xa xôi!"	232
Chuyện bơi lội	238
Tour du lịch Quảng Ninh – kết nối gia đình	240
Đà Nẵng, ngày trở lại	244
Về lại Quang Hiến (Tam Điệp)	247
Một thoáng Tam Chúc – Hà Nam	249

PHỤ LỤC

1. BÀI VIẾT CỦA GIANG CÔNG THẾ

252

2. MỘT SỐ ẢNH MINH HỌA

257

1. Quê hương	257
2. Thời quân ngũ	259
3. Gia đình	265

LỜI GIỚI THIỆU

Trên tay bạn đọc là cuốn tản văn *Một chặng đường* của tác giả Nguyễn Văn Hành, tập hợp các bài viết về tuổi học trò, về gia đình, quê hương, cuộc đời binh nghiệp, mái trường đại học, quá trình công tác, cống hiến... cũng như những câu chuyện hằng ngày ở trong phố ngoài làng. Tất cả được ghi chép từ những trang nhật ký và các bài viết Facebook của tác giả.

Nguyễn Văn Hành sinh năm 1954 tại xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống hiếu học, lớn lên trên mảnh đất Cổ đô lịch sử. Tốt nghiệp cấp ba, cũng như bao thanh niên khác, năm 1972 tròn 18 tuổi anh vào bộ đội và ra mặt trận. Anh đã có mặt ở chiến trường Quảng Trị và chiến dịch Hồ Chí Minh trong những ngày khốc liệt nhất của cuộc chiến. Sau chiến tranh, năm 1976 anh trở lại mái trường đại học, tốt nghiệp và rồi trở thành một cán bộ thư viện chuyên nghiệp, được làm việc trong Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội, và Trung tâm Thông tin – Thư viện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Từ ngày nhập ngũ, anh có thói quen viết nhật ký và anh luôn giữ quyển sổ đó bên mình. Trong một trận tập kích trên đường vào Sài Gòn, ba-lô của anh vướng vào bụi gai, vì nguy hiểm anh đành bỏ lại. Mấy ngày sau quay lại làm chính sách hậu chiến, may thay anh tìm lại được chiếc ba-lô của mình cùng với cuốn nhật ký còn nguyên vẹn. Khi Internet và mạng xã hội ra đời, anh có nhiều bài viết, các câu chuyện thường ngày được kể trên đó.

Tác giả không phải là người viết văn chuyên nghiệp, nhưng là người yêu thích đọc sách, ham đọc truyện ngay từ hồi nhỏ, đặc biệt kỹ năng quan sát và ghi chép thật tỉ mỉ. Những bài tản văn của anh giản dị, nhưng chứa đầy ý nghĩa sâu sắc và nhân văn, tràn ngập tinh thần lạc quan được đúc kết từ những trải nghiệm khốc liệt của chiến tranh và cuộc sống, của công việc, cũng như chính cuộc đời của tác giả. Từng trang sách như những trang nhật ký chiến trường của người lính 50 năm trước, anh đã chắt chiu, tái hiện lại những kỷ niệm sâu sắc mà có lẽ người lính nào tham gia chiến trận đều thấy có mình trong đó. Từng câu chuyện nhỏ đời thường, mang những triết lý đong đầy cảm xúc, không cao xa, nhưng trong bộn bề cuộc sống, chúng ta lại thường không để ý đến, cũng được anh rủi rỉ kể lại.

Một chặng đường gồm hai phần chính. Phần 1 là những ký ức về tuổi học trò, về đất lề quê thói để bạn đọc hình dung một góc nhỏ miền quê của tác giả; những sự kiện thời chiến tranh và quân ngũ; kỷ niệm thời sinh viên và những chuyến công tác, học

tập ở nước ngoài. Phần 2 là những câu chuyện hằng ngày ở phố, ghi chép và bàn luận về các vấn đề đời sống, xã hội, mang đậm phong cách riêng của tác giả, cũng rất thu hút người đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cùng Bạn đọc!

PGS.TS Lê Hữu Lập

ĐÔI ĐIỀU CÙNG BẠN ĐỌC

Cuộc sống vốn bao chuyện buồn vui, đời người ai cũng trải qua. Tôi thuộc lứa 5X, sinh ra và lớn lên sau hòa bình năm 1954, đã trải qua những năm tháng chiến tranh và những khó khăn thời hậu chiến năm 1975. Thật may mắn đến bây giờ tôi còn có thể cầm bút và gõ được bàn phím ghi lại những gì mình đã trải qua.

Tập tản văn này, gồm hai phần:

Phần thứ nhất *Nhớ lại* là những ký ức về tuổi học trò, gia đình, quê hương, về “đất lề, quê thói” để bạn đọc hình dung một góc nhỏ về miền quê của người viết. Rồi những sự kiện trong thời gian tham gia quân ngũ từ tháng 5 năm 1972 đến tháng 10 năm 1976, được tái hiện nhờ những trang nhật ký chiến trường 50 năm trước còn lưu giữ được. Và những kỷ niệm thời sinh viên; những lần đi công tác ở nước ngoài hồi còn đi làm.

Phần thứ hai *Ghi chép* những câu chuyện của cuộc sống thường ngày được ghi lại. Và đúng là “gặp đâu ghi đó” nên không có chủ trương theo một cốt truyện nào cả, “chuyện thường ngày ở... phố” mà.

Tôi không phải là người viết chuyên nghiệp, chỉ là người yêu thích đọc sách, đọc truyện ngay từ hồi nhỏ và hay ghi chép, nên cố gắng thể hiện quan sát của mình qua tập tản văn nhỏ này vậy. Bạn nào đọc thì xin bỏ qua cho những khiếm khuyết về văn phong và câu chữ nhé!

Trân trọng cảm ơn gia đình, bạn bè đã động viên và ủng hộ để tôi có thể cho ra mắt cuốn sách này, đặc biệt là hai người bạn đồng môn thời học cấp ba là PGS.TS Lê Hữu Lập và TS. Giang Công Thế đã đọc và có những góp ý quý báu để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Hà Nội, 2025

Nguyễn Văn Hành

PHẦN THỨ NHẤT

Nhớ lại

1. ĐẤT LỀ, QUÊ THÓI

Xóm nhỏ ven sông

Xóm tôi còn có tên là xóm Trại, vì ngày xưa nó là một triền đất hoang vu bên con sông Cái, nước trong veo. Các cụ kể lại rằng, hồi đó một vài nhà ra phá hoang làm nên những trại nhỏ để coi hoa màu. Rồi dần dà, năm này qua năm khác, cái chòm nhỏ bé đó lớn lên thành xóm Trại. Còn con sông Cái kia sau này gọi là sông Hoàng Long. Theo truyền thuyết, lúc còn nhỏ Đinh Bộ Lĩnh đi ở chăn trâu cho ông chú. Một hôm cùng bọn trẻ trâu dùng cờ lau tập trận giả, đánh thắng bọn trẻ trâu động khác. Đinh cho thịt con trâu của ông chú để khao quân, rồi cắm đuôi trâu xuống đất và về mách chú, trâu đã chui xuống đất. Ông chú ra kéo đuôi trâu lên, bị ngã ngựa ra, ông giận quá đuổi đánh Đinh. Đinh chạy đến bờ sông Cái thì không có thuyền để sang, bỗng nhiên có một con rồng vàng nổi lên, Đinh bèn cưỡi lên

và được đưa sang bên kia sông, ông chú không đuổi được nữa. Sau này dẹp xong loạn 12 Sứ quân, thống nhất đất nước, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng) và chọn Hoa Lư làm kinh đô. Từ đó, con sông Cái chảy qua xóm Trại có tên sông Hoàng Long – nghĩa là sông Rồng Vàng và cái xóm nhỏ bé của tôi cũng có tên là xóm Hoàng Long.

Hàng năm cứ đến mùa nước lụt, xóm nhỏ lại như một đảo nhỏ lênh đênh, bè tây trôi lênh bênh khắp cánh đồng nước ngập trắng băng và đầy ắp tiếng gõ lưới đánh cá ngoài đồng vọng về. Mỗi lần nước lụt về là bọn trẻ con nô nghịch âm ỉ với bè chuối, thuyền giấy, người lớn thì ngồi nhìn trời thở dài. Mới gần 10 tuổi tôi đã biết đánh rọ cá rô, thả đó cua và chèo thuyền nan. Rồi mới học cấp hai, cấp ba thôi, nhưng vào những buổi không phải đi học, cánh học trò chúng tôi cũng được tham gia công việc đồng áng, các công việc mưu sinh của người lớn ở một vùng đồng quê chiêm trũng, núi đá vôi trùng điệp...

Việc nhà nông

Đi làm thủy lợi

Cuối những năm 60 đầu năm 70 của thế kỷ 20, ở nông thôn miền Bắc công việc tổ chức lao động sản xuất, phân phối theo cơ chế Hợp tác xã Nông nghiệp, dưới Hợp tác xã là tổ đội sản xuất, thường phân bố theo thôn, xóm.

Hồi đó công việc đồng áng ở quê tôi toàn đàn bà con gái, thanh niên choai choai và đàn ông trung niên đảm nhiệm, vì trai

tráng đến tuổi ra trận gần hết. Công việc hằng ngày có ông đội trưởng cất cử từ tối. Ông xách cái đèn chai, bóng đèn làm từ vỏ chai thủy tinh, chụp lên cái lọ thủy tinh đựng dầu hỏa, thả bắc bằng sợi bông vải đi khắp xóm phân công công việc cho mọi người. Hồi đó đường trong xóm thông thoáng, không tường cao, kín cổng như bây giờ.

- “Chị Liên, anh Bắc, ngày mai tát nước ở cánh đồng Sâu Gia nhé! Còn ông Nông, anh cu Hậu, cùng các cô Chiến, Gái,... làm thủy lợi ở Ngòi Cuối! Nhớ mang cơm trưa đi, làm cả ngày đấy!”

- “Thế làm khoán hay công nhật hả ông?”

- “Công nhật, 10 điểm một công! Cả ngày tính hai công!”

“Làm thủy lợi” là đào đất đắp đê, quai, khơi sông, ngòi, lạch, thuộc vào loại công việc “Thổ, Mộc”. Nông cụ hồi đó thường rất thô sơ chỉ có mai, xẻng, cuốc và kéo cắt đất, kèm theo ít ván gỗ, cọc tre, dây thừng để bắc cầu lao đất khi nơi đào đất xa nơi đắp. Khi đào lớp đất phía trên, thường có cỏ nên dùng mai, xuống lớp dưới đất mềm hơn, thường dùng kéo cắt, tảng đất cắt bằng kéo rất mịn và vuông vức, bê hoặc vác đều dễ hơn.

Kéo cắt đất, làm bằng hai thanh tre cật vót tròn hoặc bằng sắt tròn dài 40-50 cm, được đóng vào hai thanh gỗ làm tay cầm trên, phía dưới là dây thép hoặc ruột phanh xe đạp hỏng, kéo căng hai đầu của hai thanh càng kéo. Khi cắt đất, chỉ ấn một thanh càng của chiếc kéo, xoay một vòng 90 độ, nhấc kéo lên là được một vuông đất như miếng giò lụa.

Khi đi làm thủy lợi, bọn con gái bù kín khăn chỉ hở đôi mắt, chân đi xà cạp lên tận đùi, bùn đất lấm lem chả nhận ra đứa nào. Cánh đàn ông, con trai thường đứng thủ mai, đào từng tảng đất vuông vức, cánh con gái chuyên tay nhau thành dây đưa đến đắp thành con quai, ngăn nước trong nội đồng. Đây là việc lao động nặng, nên xong ngày làm việc ai nấy đều mệt và hôm sau thường đau như người.

Đến nửa buổi, ai nấy bùn đất lấm lem và ướt sũng, hồi đó đâu có sẵn quần áo như bây giờ, ông thủ mai chừng hơn 50 tuổi, khỏe mạnh, mặc chiếc quần đùi bộ đội, màu cỏ úa rộng thùng thình. Mỗi khi ông co chân lên đập vào mai, đẩy tảng đất ra, cô gái đứng dưới cúi xuống bốc tảng đất, lại bị cả nhóm trêu: “Lộ hết cả hàng họ... rồi ông ơi! mọi người cười ré lên.” – Cô gái ngược lên cười tíu tít, chỉ còn hàm răng trắng lóa, làm dịu đi những mệt nhọc.

Do làm thủy lợi, chỉ bận tay chân nên mồm miệng được dịp trở tài. Đủ mọi chuyện trên trời dưới bể: thời sự, hôm nay nó (máy bay Mỹ) bỏ bom thị xã, chết khối người. Sắp tới tuyển quân nhiều, chắc miền Nam lại sắp đánh lớn rồi, bao giờ yên hàn cho mấy cậu trai làng đi bộ đội được về. Chuyện tiêu cực trong Hợp tác xã, ông đội trưởng đội chín thông đồng với bà kế toán ăn gian mấy nghìn điểm (hồi đó công lao động tính bằng điểm, quy ra thóc, độ hơn cân thóc một công, tương đương 10 điểm).

Rồi chuyện tiểu lâm, ông thủ mai nói, trong nghề nông, làm thủy lợi là nặng nhọc nhất! Được các cụ ví với “việc” của cánh

đàn ông khi thực hiện “thiên chức” của mình! Vì thế, sáng ra thấy ông nào lơ vờ là lại bị trêu chọc, đêm qua lão lại làm “thủy lợi” à! Từ đấy có câu truyền miệng: “Mệt như làm thủy lợi”.

Nhớ một thời làm ruộng vất vả nhưng vô tư hồn nhiên, mọi việc có hợp tác xã, đội sản xuất lo, tuy chẳng giàu gì nhưng xóm làng yên bình,... Và mọi nguồn lực dành cho phía trước với khẩu hiệu “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”!

Đi gặt lúa

Vào vụ thu hoạch lúa, ông đội trưởng đội sản xuất, từ chiều tối đã đi khắp xóm thông báo ngày mai gặt ở cánh đồng nào. Các xã viên chuẩn bị dụng cụ từ tối, phụ nữ, người già thì chuẩn bị liềm hái, quang gánh, trai tráng chuẩn bị đòn càn, đòn sóc, lạt bó lúa để gánh lúa.

Đòn càn là ống tre to cỡ bắp chân, dài hơn sải tay, vạt chéo hai đầu. Đòn sóc thì giống đòn gánh nhưng vót nhọn hai đầu. Lạt bó lúa được chẻ từ cây giang, lạt to bằng ngón tay út, dài khoảng một sải tay, bó lúa rất dẻo và bền có thể dùng được vài lần. Phụ nữ, người già dùng liềm cắt lúa để thành từng lọn nhỏ, cánh đàn ông gom lại bó thành bó to bằng lạt giang. Để gánh lúa về, phải lấy đòn càn xiên vào bó lúa đầu tiên, lấy hết sức vung đòn càn cùng bó lúa lên và xiên đầu còn lại của đòn càn vào bó lúa thứ hai, rồi tì đòn càn vào vai và bật tung bó lúa còn lại lên như đòn bẩy! Ruộng khô thì đỡ chứ hôm nào ruộng có nước thì người gánh lúa ướt hết vì lúc vung bó lúa đầu tiên lên, nước chảy ròng ròng vào vai vào lưng.

Đồng gân thì gánh lúa về thẳng sân kho, cởi lạt lúa ra lại vác đòn càn và cặp lạt giang ra ruộng bó và gánh lúa về... Khu đồng nào có đường cho xe cải tiến vào được thì gánh lúa lên bỏ vào xe để chở về sân kho. Thời điểm từ sân kho ra ruộng là lúc vui nhất vì đi không, chuyện trò đủ thứ, anh chị nào có tình ý, thì lùì lại đi phía sau...

Đi làm ruộng ngoài Hang Luồn

Có một cánh đồng, dễ đến vài chục héc-ta được bao quanh bởi các dãy núi trùng điệp. Để ra đây trồng cấy, nếu dùng thuyền phải theo sông Sào Khê, chui qua hang Luồn, đi mãi đến chỗ bến Thạch Bàn - Động Liên Hoa rồi buộc thuyền, lên bờ đi bộ vào. Thế nên mỗi khi đi làm ruộng ở đây, dân làng gọi là đi làm ngoài Hang.

Nếu đi bộ thì đi qua núi Lãng (Yên Mã) men theo đường mòn, qua quèn Thụ Mộc, núi Ông Trạng - Hòm Sách,... đến Thạch Bàn. Các ông cao niên kể, hồi Kháng chiến chống Pháp có Công binh xưởng về đây. Thời chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ là nơi Nhà máy Cơ khí Ninh Bình sơ tán tránh máy bay đánh phá. Khi đi qua các phân xưởng của nhà máy nằm rải rác trong các hang động sườn núi, bọn trẻ chúng tôi nhìn các anh chị công nhân trong bộ quần áo xanh, đang điều khiển những máy cắt gọt kim loại, búa máy nện phình phình thật ngưỡng mội! Ước ao mình được đi “thoát ly” làm công nhân đứng máy!

Mùa gặt lúa, đội thuyền đi theo sông Sào Khê. Thuyền nan, chở cỡ hơn một tấn, lúc về chở đầy lúa, qua hang Luồn thật vất

vả. Hai người ở mũi thuyền phải lấy tay lần theo trần hang để thuyền trườn qua chỗ trần thấp nhất của hang, vì không thể dùng sào hoặc dầm chèo thông thường được. Lắm bận nước trào vào thuyền vì trần hang như đè thêm xuống con thuyền đang mang nặng những bó lúa vàng óng vừa được gặt lên. Bây giờ ai đi du lịch “Tràng An cổ” khi đi qua hang Luồn, thấy chỗ trần hang nhẵn nhụi, sạch rêu, chính là chỗ thấp nhất, lúc thuyền chở lúa qua đã có bao bàn tay và các bó lúa cọ sát vào để lại vết tích của một thời lao động vất vả của cư dân Trường Yên.

Đi làm đôi

Khi vào hợp tác xã nông nghiệp, ruộng đất được góp vào tập thể. Mỗi nhà được một ít ruộng gọi là đất “phân trăm” (5%). Lúa má từ ruộng hợp tác xã, chỉ đủ ăn, năm nào mất mùa càng đói kém. Nhiều nhà phải đi khai phá những mảnh ruộng bỏ hoang trong các thung lũng, hay những vạt nương trên các quả đồi để trồng cấy thêm. Những nhà muốn có thêm ruộng để trồng lúa thì vào Thung Ui khai phá đất hoang. Để vào được thung này phải leo qua các quèn đá, đường mòn quanh co, cây cối rậm rạp. Làm ruộng ở đây rất vất vả vì đất sinh lầy và nhiễm phèn, nhưng là thu nhập thêm nên nhiều nhà vẫn duy trì.

Nhà tôi và một số gia đình khác lên khai hoang trên khu vực đồi Bái Đính, gọi là đi “làm đôi” để trồng sắn và khoai sọ. Những khu vực khai hoang được ở khá xa, có nơi đi nửa ngày đường. Những vạt đất khai hoang đó, chính quyền cũng không quản lý. Đất trên đồi được cuốc xới, đánh luống, trồng sắn và khoai sọ

là chính. Việc chăm sóc cây trồng chủ yếu là chị em phụ nữ lúc nông nhàn và học sinh khi được nghỉ học. Từ sáng sớm các chị đã chuẩn bị liềm, cuốc, quang gánh, rồi nắm cơm vào mo cau để ăn buổi trưa. Bọn trẻ chúng tôi lẽo đẽo đi theo sau, chân trần, quần áo phong phanh, từ nhà lên Bái Đính cũng khá xa, khoảng ba đến bốn cây số.

Vật nương là một khoảng đồi khá bằng phẳng, sắn và khoai sọ đã lên ngang óng chân. Cỏ tranh, cỏ dại mọc nhiều xen vào các luống sắn. Bọn trẻ chúng tôi được các chị hướng dẫn cầm liềm cắt những cụm cỏ tranh, cho xuống rãnh luống. Do đi chân đất, những mầm cỏ tranh đâm vào gan bàn chân đau điếng. Trời nóng bức, những cây cỏ tranh cao cửa vào tay, vào cổ đau rát và ngứa ngáy khó chịu. Buổi trưa, mấy chị em vào một gốc cây có bóng mát ngồi ăn cơm. Cơm nắm được thái ra ăn với tép đồng rang mặn và mấy quả cà muối, thật là ngon.

Đến vụ thu hoạch, sắn được dỡ về, ngoài một ít làm sắn luộc, thì chủ yếu là thái lát và phơi khô để cho vào chum dự trữ, phòng khi giáp hạt, “tháng Ba ngày Tám” đói kém. Hồi còn bé tôi rất ngại ăn cơm độn sắn khô thái lát. Bát cơm độn sắn, chan canh, lúc “và” vào miệng thì cơm vào trước, sắn cứ ở lại! Lá non của cây sắn cũng được các chị hái và kho với cá đồng, ăn cũng bùi bùi. Khoai sọ thu hoạch về, rải xuống nền nhà dưới gầm giường cho mát, để được lâu. Tôi rất khoái món khoai sọ luộc và nhất là khoai sọ nấu canh cua với rau rút. Khoai sọ thì bỏ tươi, mùi rau rút thơm nhẹ nhàng.

Sau này, không biết vì sao nhà tôi và nhiều nhà khác trong xóm, bỏ những vật nường có được do khai hoang. Giá mà còn giữ được đến bây giờ thì có giá trị, vì cả khu vực đó được quy hoạch vào quần thể chùa Bái Đính.

Đi rủi tép

Quê tôi đồng chiêm trũng, mùa nước lụt lui đi một ít là vào vụ riu, rủi tép, đánh dậm bắt cua, cá bống, tôm,... Ông trời như bù lại sau những thiên tai, lại cho con người chút đường sinh kế. Học đến cuối cấp ba (khóa 1967-1970), bọn tôi đã biết đi bắt tép bằng rủi. Có lần, tôi và cậu Hiền đã đi rủi dọc sông Hoàng Long, từ cầu Gián Khẩu đến tận xã Gia Sinh, chỗ chùa Bái Đính bây giờ.

Nghề bắt tép có nhiều cách: rủi, riu, xúc, kéo vó, nhưng đi rủi là vất vả nhất vì phải lội và ngâm dưới nước sâu, ít nhất là ngang thắt lưng. Những khoảnh ruộng ngoài đê nước ngập trắng, nhộn nhịp thuyền bè. Chị tôi tốt nghiệp cấp hai, cũng ở nhà chưa đi học gì, thế là hai chị em một con thuyền nan nhỏ cùng bộ rủi đi bắt tép như mọi nhà. Công việc này cũng vất vả, nhưng được cái lên bờ là bán tép có tiền tiêu ngay, lại có thêm tôm, cá cải thiện bữa ăn hằng ngày.

Con sông Hoàng Long sau những ngày lũ lụt hung dữ đáng sợ, bây giờ lại đang nhả ra những sản vật quý giá của nó. Bọn con gái ở xóm Hoàng Long này, cái ngón làm ăn thì chả xóm nào bằng. Cái Lam, cái Hằng, cái Thư,... là những tay cự phách về riu rủi tép, mà bọn con trai chúng tôi phải chịu thua.

Cái Thư, hồi đó lớp năm, lớp sáu còn nhỏ tí, tôi có để ý gì đến nó đâu. Thế mà bây giờ Thư đã lớn phổng phao, ra dáng một cô gái rồi. Mỗi ngày đi làm với nhau, bọn tôi thường nô đùa như trẻ con, mặc dù cũng “ra ràng” cả rồi. Ngày hôm đó thuyền của nhà tôi và nhà cái Thư đi rúi ở gần nhau. Thư thì đun rúi dưới nước, bà chị nó đái tép trên thuyền cũng như chị tôi vậy. Thư và tôi lội dưới nước, hai đứa chỉ chăm chăm vào mảnh ruộng nào lằm tép thôi. Chúng tôi, hôm nay quanh quẩn ở những mảnh ruộng quanh núi Ông Mỗ, người ta đang khai thác đá và đã gặt gần hết những mảng xanh của núi rồi. Đang mải đun rúi, bỗng nghe trên núi vọng xuống tiếng kêu: “Đốt mìn đấy!... Nổ mìn đấy!...”

“Thư ơi chạy đi!” – Tôi vội vàng gọi Thư, Thư ngoảnh sang: “Đội mình với!” – Đôi mắt Thư thăm thẳm, thân hình khỏe mạnh, tròn lẳn lao đi, nước cuộn phía sau lưng.

Thành thói quen mỗi buổi đi rúi, tôi thường rủ Thư cùng đi làm với mình. Một điều gì đó lạ lẫm khiến thằng con trai mới lớn như tôi cứ mỗi ngày không trông thấy Thư là không yên. Lần đầu tiên, tôi thấy trong đầu óc lớn vờn hình ảnh đôi mắt đen thăm thẳm của một cô gái. Và hình ảnh đó theo tôi suốt những năm ở trong quân ngũ...

Con trâu là đầu cơ nghiệp

Tôi lớn lên, vào học lớp một, thì nhà tôi không còn nuôi trâu nữa. Anh trai kể, ngày trước nhà có con trâu đực, cày ruộng khỏe lắm. Một lần, anh đi chăn ngoài đồng, nó húc nhau với con

trâu nhà hàng xóm và bị gãy sừng. Anh bị bố cho một trận “no đòn”, còn con trâu phải làm thịt, bán cho bà con trong xóm.

Thỉnh thoảng đi học về, tôi chạy theo lũ trẻ trâu trong xóm ra bãi chăn, để được chúng cho cưỡi trâu. Thật thích thú khi được ung dung ngồi trên lưng chú trâu đang mải mê gặm cỏ. Mùa nước lụt, đồng ruộng ngập hết, trâu phải ngụp đầu xuống nước và “ăn mò” đám cỏ bị ngập sâu. Trâu bơi rất giỏi, hôm nào được đứng trên lưng trâu, tay cầm thừng chỉ huy chú trâu bơi rẽ nước, thật oai phong như tham gia trận thủy chiến. Đã vài lần, bất ngờ trâu chạy, tôi bị ngã từ lưng trâu xuống và bị sai khớp tay, phải ra ông lang ngoài thôn Trung Trữ, xã Ninh Giang nắn lại và bó thuốc lá.

Lên học cấp hai, hồi đó có phong trào ủ phân xanh. Nhà tôi cũng đào một cái hố giữa vườn, cắt lá cây về ủ với phân trâu. Nhà không có trâu, thì phải ra đường hót phân trâu ị rong. Đi học về, tôi được ông bố giao một bộ quang gánh và hai cái bê đeo bằng thanh tre để đi nhặt phân trâu. Sáng sớm, ra đường thấy bãi phân trâu nào là phải đánh dấu bằng cành lá hoặc que để đưa khác khỏi hót mất. Thế mà dăm ba ngày đã được một hố đầy phân xanh ủ với phân trâu để sau này cân cho hợp tác xã bón ruộng.

Học xong cấp ba, về nghỉ hè, tôi cùng cánh choai choai trong xóm được ông đội trưởng đội sản xuất phân công đi lấy cỏ về dự trữ cho trâu ăn. Tôi và Lạng, Vấn, ba thằng con trai mới lớn, đi một thuyền nan cỡ vừa, trọng tải hơn một tấn, từ ngòi Sào Khê ra sông Hoàng Long, qua Âu Lê, Gia Lạc, theo sông Bến Đàng về Quang

Hiển, Yên Bình, Yên Mô (nay thuộc thành phố Tam Điệp). Vùng này nhiều cỏ Gừng, loại cỏ mọc dưới nước dài như cây cói nhưng thân tròn, óng mượt từng khúc như cây mía nhỏ tí. Cỏ được cắt và vớt lên thuyền từng lọn, xếp gọn ghề. Ngày hôm sau, thuyền cỏ về, bọn tôi lại thả cỏ xuống ven ngòi Sào Khê, kết thành bè và cắm mấy cọc tre để giữ cho bè cỏ khỏi trôi. Cỏ này được vớt cho trâu ăn dần lúc khan hiếm cỏ ngoài đồng, nhất là vào mùa đông.

Con trâu gắn với tuổi thơ lũ trẻ nhà quê chúng tôi, đến nỗi người lớn cứ gọi chúng tôi là “trẻ trâu”. Mãi cho đến khi ra ràng và bay đi khắp phương trời, thì lại bàn giao danh hiệu “trẻ trâu” cho bọn trẻ khác. Bây giờ về làng không thấy con trâu nào nữa, không biết giờ quê tôi có còn “trẻ trâu” nữa hay không?

Nghề phụ lúc nông nhàn

Nghề làm đá

Công việc khai thác đá ở vùng núi Trường Yên đã có lâu đời, và được gọi là “nghề làm đá”. Hình như, cuối những năm 80 của thế kỷ 20, chính quyền bắt đầu cấm khai thác đá để bảo vệ khu Di tích Lịch sử văn hóa Cố đô Hoa Lư. Sau này hoạt động khai thác đá đã ngừng hẳn để bảo tồn các dãy núi đá vôi được hình thành hàng triệu năm trước đây.

Những năm 60, trai tráng nhà nào có nghề làm đá thì chòng, búa lên vai đi lên khu vực núi Nghẽn, núi Cầu Đen gần chùa Bái Đính bây giờ để nổ mìn phá đá. Một số tốp thợ còn qua bên kia sông Hoàng Long khai thác đá ở núi Ông Mỗ, gần núi Cẩm

Gương, thuộc đất Gia Viễn. Bây giờ trên đường lên Bái Đính, du khách thấy các dãy núi gần đường giao thông trơ trọi, cây cối thưa thớt và như cái đầu bị gọt nhám nhờ đang dần mọc tóc, đây chính vết tích của một thời kỳ khai thác đá tại đây. Núi Ông Mồ thì gần như mất hẳn, chỉ còn chân núi và một mỏm đá mồ côi, như cái tượng đài ghi lại dấu tích của một ngọn núi hùng vĩ một thời, nay đã “hy sinh” vì cuộc sống con người.

Cứ đến gần buổi trưa là trên núi vọng xuống tiếng hô: “Nổ... mìn... đấy...! Nổ...mìn... đấy...!” . Mọi người quanh khu vực khai thác đá đều tránh xa, để đề phòng đá lăn và những viên đá nhỏ văng xa... Sau khi nổ mìn, đá to hàng mét khối, lăn xuống, người ta dùng búa, đục, chẻ ra thành các loại đá: đá học, đá ba, đá dăm... Đá học xếp ra thành từng đống để đo thể tích theo mét khối và bán cho thương lái. Hồi đó chưa có máy móc để khai thác, nên làm thủ công là chính, thợ khai thác đá rất vất vả và phải có sức khỏe. Do phải leo trèo, việc bảo hộ, an toàn lao động còn hạn chế, nên năm nào cũng có tai nạn lao động thương tâm.

Đá được sản xuất ra, chủ yếu được vận chuyển bằng đường thủy, trên các con thuyền và xà lan đi khắp nơi để phục vụ các công trình xây dựng quốc phòng và giao thông... Các bến bãi xếp đầy đá ven sông Hoàng Long, tấp nập thuyền bè vào “ăn” đá. Một lực lượng lao động không nhỏ góp phần vào việc chuyển đá xuống thuyền, xà lan là phụ nữ và cánh học trò choai choai chúng tôi, lúc nghỉ học được đi phụ việc. Nhà tôi không có người làm nghề khai thác đá, chị em tôi chỉ đi làm thuê việc vận chuyển đá xuống thuyền và xà lan của các ông chủ thuyền.

Đá học được bê áp vào bụng và chuyển tay nhau từ trên bờ xuống thuyền. Đá ba và đá răm được cho vào thúng và đội trên đầu, sau đó được đưa thẳng xuống thuyền. Người đội đá phải đặt một cái mũ vải dày để đỡ đau đầu, lúc đi trên cầu ván bắc từ bờ lên thuyền là một thử thách thực sự. Ván gỗ nhún nhảy theo bước đi và sức nặng của người đội đá, cứ như đang biểu diễn xiếc vậy. Chủ hàng nghiệm thu khối lượng đá được bỏ xuống thuyền hoặc xà lan theo “mớn” nước và tính ra tiền công cho người vận chuyển. Làm việc thật cực nhọc, nhưng cũng có thêm thu nhập, ngoài công việc đồng áng.

Nghề thợ xây

Hầu hết đàn ông trong làng, trong xã tôi đều biết làm thợ xây và nổi tiếng với nghề xây tường bằng đá. Bố tôi cũng là một thợ xây giỏi trong làng. Những năm 60-70, vật liệu chính để xây nhà là đá khai thác từ núi. Đá được kết dính bằng vữa là vôi đã tôi, trộn với cát núi. Cát được khai thác ở núi, chủ yếu là núi Đông Lâm, bên làng Yên Trạch. Cát núi màu sáng, nhiều bột trắng khi trộn với vôi thành hỗn hợp rất dẻo. Thời đó xi-măng rất hiếm, chỉ để dùng đổ bê-tông các lanh-tô cửa sổ, cửa ra vào...

Học lên cấp ba, vào dịp nghỉ hè, cánh học trò chúng tôi thường được theo người nhà và các bác thợ nề trong làng đi xây dựng các công trình quanh xã hoặc các nơi xa. Bọn tôi làm phụ hồ và thỉnh thoảng được cầm búa, cầm dao xây để học việc. Các bác thợ cả, giảng giải những bài học cơ bản của nghề xây đá. Viên đá trước khi đặt lên tường phải được “ghè” thành hình cái

nêm. Chuẩn bị vữa và khi đặt viên đá lên phải gõ và thử, sao cho viên đá nằm thật êm mới được. Nếu không “êm”, một viên đá mà “cập kênh” có thể làm đổ cả bức tường.

Rồi cách sử dụng thước và quả dọi lấy và kiểm tra phương thẳng đứng của góc cạnh tường. Đây là kỹ thuật rất cơ bản của xây tường, tường chỉ vững khi đảm bảo đúng phương thẳng đứng. Còn “đánh” thẳng bằng thì dùng cái dây ống nhựa trong suốt, giống dây truyền nước của y tế, đổ nước vào để chuẩn thẳng bằng theo mực nước hai đầu ống dây. Khi tường lên cao quá tầm với, phải bắc giáo bằng những cây bương, cây luồng và néo bằng lạt tre hoặc dây thừng, chứ chưa có dàn giáo sắt như bây giờ. Đá được đục, ghè sơ chế ở dưới đất, rồi chuyển lên trên dàn giáo cho thợ xây. Trên dàn giáo, khi hết vữa, ông thợ xây cầm dao xây gõ cạch... cạch... vào hộp đựng vữa, thế là mấy anh phụ hồ biết tín hiệu chuyển vữa lên.

Nghề xây, chỉ có dao, búa, thước và quả dọi mà bao công trình được hình thành. Nghề thợ nề vất vả vì nắng nóng cũng phải làm vì đa số công việc ở ngoài trời, không như nghề mộc chuyên làm trong lán trại. Thôi thì làm nghề nào ăn nghề đấy, cũng là cách kiếm “cơm” lúc nông nhàn.

Nghề đan lát

Quê tôi không phải là làng nghề đan lát từ cây tre, mà nghề này chỉ để phục vụ đời sống hằng ngày, nếu có thừa sản phẩm thì mang ra chợ bán. Nguyên liệu chủ yếu là tre, sản phẩm là rổ, sê, rá,... và cả thuyền nan.

Nhà nào có bụi tre thì chọn những cây tre già, để chẻ ra làm nan... Chẻ cây tre là một nghệ thuật. Cây tre được bổ đôi, rồi chẻ tư, pha ra các phần tre thịt và phần tre xương. Cây tre dài thế mà khi bổ dao vào gốc, chèn cái nêm cho tách ra một đoạn. Lấy một chân đèn vào nửa cây dưới đất, hai tay nâng nửa cây phía trên, hấp! Kéo mạnh lên, cả cây tre theo đà được róc đôi ra, kêu “roách... roách!”. Chắc người nào nghĩ ra câu “Thắng như chẻ tre” là để mô tả những việc gì mà thắng lợi nhanh chóng trong cuộc sống đã từng... chẻ tre!

Phần tre xương là phần của cây tre có các mấu tre. Phần tre thịt thì được chọn làm các vành rổ, rá... Phần tre xương thì chặt ra làm nan, dài ngắn tùy vào loại sản phẩm cần đan. Nan tre để đan rổ, rá được vót nhọn bằng dao rựa. Để khỏi đau và đứt ngón tay, người vót nan thường lấy miếng mo cau, cắt ra để luồn ngón tay hay tì dao, vì vậy khi lia dao trên thanh tre không bị đâm tre đâm vào ngón tay.

Các ông bố thường dạy con cái trong nhà việc đan lát, ngay từ lúc mới sáu, bảy tuổi. Bố tôi thường chuẩn bị sẵn những bó nan tre các loại, nếu không đan ngay thì phơi khô và để lên gác bếp, khi rảnh rỗi thì mang ra đan rổ rá. Đan “lóng mốt” là đan mê sê, dễ nhớ nhất, tuy vậy để có được mê sê đạt tiêu chuẩn, ngoài việc vót nan phải đều, người đan phải chỉnh nan sao cho lỗ thật vuông vức. Rá cũng là đan “lóng mốt” nhưng nan dọc thưa, nan ngang được kéo khít vào nhau. Nan rá được vót tròn và nhỏ hơn nan rổ, rá để vo gạo, nên nan tròn dễ róc nước, nếu được làm bằng cật tre già, độ bền của rá khá lâu.

Rổ được đan “lóng đôi”, nan rổ được bắt lên, đè xuống từng đôi một, việc vào nan dễ hơn đan “lóng một”. Rổ, rá làm xong thường được để lên gác bếp một vài tuần cho khói bếp hun lên, tre bắt bồ hóng chuyển màu vàng óng như mật ong. Ông anh họ tôi, là người đan tre cực giỏi, nhất là món đan rá. Rá to, rá nhỏ của anh tốt và bền vì anh chọn tre già, chỉ lấy cật tre, vót nan rất tỉ mỉ và chau chuốt.

Là vùng sông nước nên bà con thường sắm các loại thuyền nan được làm từ tre. Thuyền nhỏ nhất là thuyền câu, nhỏ hơn có thuyền đi rui, chở vài tạ, thuyền to đi sông có khi đến vài tấn. Nhà có điều kiện thì đi mua thuyền ở các nơi khác. Có nhà đan thuyền lớn ngay tại bãi cỏ ven đê sông Hoàng Long, còn thuyền nhỏ như thuyền câu thì đan ngay ở sân nhà.

Nan tre được dùng đan mê thuyền có chiều ngang bằng hai đầu ngón tay, chiều dài tùy vào kích thước của thuyền và cây tre. Mê thuyền được đan theo quy tắc truyền khẩu: “Cát tứ, cát nhì, thù thì đề ba” – nghĩa là: “Cát bốn, cát hai, đề ba” các nan dọc để đặt nan ngang vào. Khi đưa nan ngang vào phải dùng dùi đục gõ cái nệm bằng gỗ để chêm cho nan ngang vào khít. Do cách đan như vậy, khi “xảm” thuyền bằng vỏ cây “sắn thuyền” được giã nhỏ mịn mới chui được vào, bịt kín các khe hở của mê thuyền, không cho nước vào. Đồng thời các lóng dọc của nan thuyền thường dài và xuôi về mũi thuyền nên khi thuyền đi trên sông nước sẽ giảm ma sát.

Bây giờ dùng rổ, rá nhựa nhiều, thuyền thì làm bằng sắt thép, làng quê cũng ít “bóng tre trùm mát rượi” nên nghề đan lát từ cây tre cũng mai một đi.

Nghề chèo thuyền

Xóm tôi tuy nhỏ nhưng trước đây cũng có đội thuyền vận tải đường sông. Để có mười nhà có thuyền vận tải. Toàn là thuyền nan, loại lớn trọng tải cỡ ba bốn tấn, còn loại nhỏ cỡ một vài tấn. Thuyền chỉ có một cột buồm, thường làm bằng cây luồng Thanh Hóa, vừa thẳng vừa đảm bảo độ vững chắc. Buồm bằng vải diêm bầu, nhuộm màu nâu, hình chữ nhật cỡ chục mét vuông đổ lại. Thỉnh thoảng trên sông Hoàng Long xuất hiện những cánh buồm cánh dơi là của thuyền gỗ từ địa phương khác đến. Những cánh buồm này như điểm xuyết cho con sông quê, vốn quen thuộc với những cánh buồm vải nâu đơn sơ.

Trên thuyền thường chỉ có hai vợ chồng vừa là thủy thủ, vừa kiêm bốc vác hàng hóa, phụ việc là những đứa con lớn học hết cấp hai rồi bỏ học. Còn bọn trẻ bé hơn thì ở nhà đi học và trông nhau. Khi nào thuyền cập bến, bọn trẻ được chạy ra bến sông và lên thuyền với bố mẹ, vui lắm.

Tuyến đường sông, chủ yếu là sông Hoàng Long và sông Đáy. Hàng hóa vận tải đủ loại. Từ mạn ngược, Viến, Đế, Đầm Đa về là sản vật: mây tre, nứa, gỗ, củi. Phía Kim Sơn, Phát Diệm lên là dây thuyền mắm muối, chiếu cói. Từ Chợ Bầu, Phủ Lý về là hàng gia dụng, nồi đất, bát đĩa, đôi khi cả một thuyền mía. Cây mía trắng, bé bằng đầu ngón tay cái, gọi là mía le, vừa giòn

vừa ngọt thanh. Người chèo thuyền phía mũi thuyền có thể vừa chèo thuyền bằng chân vừa bẻ cây mía để giải khát, mía này phải ăn kiểu bẻ rồi xước vỏ, mới ngon. Từ Trường Yên đi, thuyền lớn còn chở cả đá cho các công trình thủy lợi, giao thông... Hồi chống chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ, đã có mấy thuyền được huy động chở hàng quốc phòng, đi vào tận Thanh Hóa.

Khi thuận buồm xuôi gió, hoặc nước xuôi thì thuyền đi nhẹ nhàng, đó là lúc chủ thuyền cũng thảnh thơi hơn, chỉ việc điều khiển bánh lái cho con thuyền di chuyển. Còn khi gặp nước ngược, gió ngược thì rất vất vả, chỉ chèo thôi không lại với sức cản của nước. Người đàn ông phải nhảy xuống sông bơi vào bờ để kéo thuyền. Dây kéo thuyền được buộc vào khoảng một phần ba cột buồm từ dưới lên. Trên bờ người kéo thuyền khoác một khoanh dây phụ vào vai, một tay bám vào sợi dây chính và men theo bờ sông kéo thuyền đi. Nếu có thêm người kéo thì buộc thêm khoanh dây phụ nữa vào dây chính, tăng thêm lực kéo. Thôi thì cứ men bờ sông mà đi bất chấp chỗ thấp chỗ cao, chỗ lầy, chỗ thụt... người lúc khô lúc ướt... Người phụ nữ ngồi trên thuyền giữ lái để con thuyền không vào sát bờ kéo bị mắc cạn, thương người đàn ông kéo thuyền lắm, nhưng biết làm sao được.

Sau này, nhiều phương tiện như tàu thủy, xà lan phát triển nên đội thuyền nan vận tải quê tôi hầu như biến mất. Các ông bà “thủy thủ” đường sông lại lên bờ làm đủ nghề để kiếm sống như bao người nông dân vùng đồng chiêm trũng khác.

Nghề cắt tóc

Ngày trước ở quê tôi, có dăm ba ông thợ cắt tóc có cửa hàng hẳn hoi. Đầu cầu Chợ Trường Yên có nhà cụ Cự, vài đời làm nghề này. Tôi nhớ, ông con của cụ là ông Ngánh, xách hòm đồ nghề đi cắt tóc rong, vừa đi vừa rao: “Ai cúp tóc không!”. Thường thì nhà nào có vài cậu con trai, ông bố gọi thợ cắt rong vào, cắt cho cả mấy bố con một thể. Ông Ngánh giở cái ghế gập ba dây ra cho khách ngồi. Hòm đồ nghề mở ra, nắp hòm lật lên, bên trong có gắn cái gương to bằng hai bàn tay, trong hòm nào kéo, tông-đơ, dao cạo, hộp xà phòng... và mảnh da trâu đóng trên thanh gỗ dài để liếc dao cạo khi cạo cho khách. Ông tung cái khăn bằng vải dù pháo sáng đã ngả màu cháo lòng, choàng lên cổ khách và cầm cúi hành nghề. Ông hiền lành ít nói, cặm cụi làm, trán lấm tấm mồ hôi, tiếng tông-đơ dũi tóc lạch tạch, tiếng kéo lách cách khi tỉa tóc nghe vui tai, khách nhắm mắt lim dim. Gặp hôm trời nóng bức, tóc rơi ra, xiên qua tấm dù mỏng, khách ngứa ngáy ngứa mạnh, thế là tông-đơ của ông xén mất một mảng tóc của khách. Khách to tiếng bắt đền, ông ái ngại phân trần: “Thôi tôi không lấy tiền, lần sau tôi cắt bù!”

Lớn lên, học lớp bốn, lớp năm, cánh con trai trong làng đã biết làm dáng hơn, không chịu cắt tóc của ông thợ cắt rong nữa, đã biết rủ nhau ra cửa hàng ở phố Chợ. Phố Chợ Trường Yên hồi đó có cửa hàng cắt tóc của ông Ứng, ông Trọ, ông Thế. Cửa hàng có ghế to, gương to, tấm vải choàng sáng sủa, thơm mùi xà phòng. Hồi đó đi cắt tóc ở chợ về là cậu nào cậu ấy như thấy lớn hơn, cứ soi gương suốt.